**CHUẨN ĐẦU RA**

# NGÀNH KINH TẾ

**1. Ngành đào tạo: Kinh tế (Economics)**

**2. Mã ngành: 7.31.01.01 (TE2)**

**3. Trình độ đào tạo: Cử nhân**

**4. Thời gian đào tạo: 4 năm**

**5. Chuẩn đầu ra**

| **Nhóm** | **Mã** | **CHUẨN ĐẦU RA** | **CDIO** | **Mức độ bloom** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhóm kiến thức cơ bản |  | Hiểu rõ/nắm vững những kiến thức về lý luận chính trị (Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh); Hiểu biết về an ninh quốc phòng (Giáo dục quốc phòng - an ninh); | 1.1 | 3 |
|  | Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về toán học (Giải tích, Đại số, Xác suất thống kê) để học các môn cơ sở ngành và áp dụng tính toán/giải quyết các vấn đề của ngành Kinh tế; | 1.1 | 3 |
|  | Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tin học (Tin học văn phòng) để học các môn cơ sở ngành và áp dụng tính toán/giải quyết các vấn đề của ngành Kinh tế; | 1.1 | 3 |
|  | Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngành nghề, phương pháp nghiên cứu và kỹ năng (Nhập môn ngành Kinh tế, Phương pháp nghiên cứu kinh tế) để học các môn cơ sở ngành và áp dụng tính toán/giải quyết các vấn đề của ngành Kinh tế; | 1.1 | 3 |
|  | Sử dụng được ngoại ngữ để nghiên cứu tài liệu và giao tiếp được bằng ngoại ngữ. | 1.1 | 3 |
| Nhóm kiến thức cơ sở ngành |  | Hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức kinh tế cơ sở về tính toán định lượng, thống kê mô tả, phân tích, dự báo và so sánh khi xem xét, giải quyết một vấn đề kinh tế, một dự án đầu tư hay xây dựng và thực hiện một kế hoạch phát triển; | 1.2 | 3 |
|  | Nắm vững các kiến thức cơ sở ngành về quản lý, quản trị để vận dụng phân tích và giải quyết các vấn kinh tế; | 1.2 | 3 |
|  | Nắm vững các kiến thức cơ sở ngành về tài chính, kế toán, kiểm toán và thống kê để vận dụng phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế; | 1.2 | 3 |
|  | Nắm vững các kiến thức về thị trường, kinh doanh để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu, đánh giá thị trường. | 1.2 | 3 |
| Nhóm kiến thức chuyên môn ngành |  | Nắm vững các kiến thức về khởi sự kinh doanh, kinh tế đầu tư, lập, thẩm định và quản lý các dự án đầu tư, thị trường vốn và dòng vận động của vốn đầu tư; | 1.3 | 4 |
|  | Nắm vững các kiến thức về thống kê kinh tế, quản lý chất lượng để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong ngành kinh tế; | 1.3 | 4 |
| Nhóm kiến thức chuyên ngành Kinh tế Bưu chính Viễn thông |  | Có khả năng phân tích các đặc điểm kinh tế, kỹ thuật của ngành bưu chính viễn thông để quản lý và khai thác hiệu quả (Mạng viễn thông, Mạng máy tính và internet, Mạng và dịch vụ BCVT, Kinh tế BCVT, Quy hoạch mạng BCVT); | 1.3 | 4 |
|  | Có kiến thức về thị trường dịch vụ bưu chính viễn thông, các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp/ngành bưu chính viễn thông (Marketing dịch vụ BCVT, Chiến lược kinh doanh BCVT, Logistics trong kinh doanh bưu chính); | 1.3 | 4 |
|  | Có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế và đánh giá kết quả, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp/ ngành bưu chính viễn thông (Phân tích hoạt động kinh doanh BCVT, Tổ chức sản xuất kinh doanh BCVT); | 1.3 | 4 |
|  | Có khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề liên quan đến tài chính, kế toán trong doanh nghiệp/ngành bưu chính viễn thông (Tài chính doanh nghiệp BCVT, Kế toán doanh nghiệp BCVT); | 1.3 | 4 |
| Nhóm kiến thức chuyên ngành Kinh tế và Quản lý đầu tư | CĐR 12 | Nắm vững các kiến thức về pháp luật đầu tư, đầu tư công, xúc tiến đầu tư và các phương thức đầu tư quốc tế để giải thích các vấn đề nảy sinh trong quá trình đầu tư kinh tế; | 1.3 | 4 |
| CĐR 13 | Nắm vững các kiến thức về định giá tài sản, phân tích lợi ích - chi phí… để có thể phân tích, đánh giá các vấn đề nảy sinh trong quá trình đầu tư; quản lý đầu tư; | 1.3 | 4 |
| CĐR 14 | Nắm vững các kiến thức về tài chính, kế toán phục vụ cho hoạt động đầu tư và quản lý đầu tư; | 1.3 | 4 |
| CĐR 15 | Nắm vững kiến thức về đầu tư và quản lý hoạt động đầu tư trong các lĩnh vực tài chính, chứng khoán, bất động sản,… | 1.3 | 4 |
| Nhóm kỹ năng cá nhân |  | Có kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế trong hoạt động của doanh nghiệp và ngành. (Nhận dạng vấn đề, phân tích các yếu tố liên quan, lựa chọn phương pháp giải quyết, đưa ra ý kiến.....) | 2.1 | 4 |
|  | Có kỹ năng điều tra khảo sát và khám phá tri thức trong hoạt động của doanh nghiệp và ngành. (Lập giải thiết, tìm hiểu thông tin từ các nguồn, khảo sát - thí nghiệm, Phân tích dữ liệu, diễn giải dữ liệu và lập báo cáo) | 2.2 | 3 |
|  | Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, tư vấn, phản biện, hệ thống.  Kỹ năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề kinh tế, về chuỗi quan hệ công việc khi giải quyết bài toán cụ thể trong bài toán tổng thể | 2.3 | 3 |
|  | Có kỹ năng làm việc theo nhóm, có khả năng hợp tác, chia sẻ, chấp nhận sự khác biệt (kỹ năng phối hợp, trách nhiệm để đảm bảo về chất lượng, khối lượng và tiến độ chung; Chia sẻ kiến thức với tập thể và hướng dẫn cùng thực hiện; Hợp tác tập thể đa ngành, đa lĩnh vực trong việc hoạch định và thực hiện công việc) | 3.1 | 4 |
|  | Có kỹ năng lựa chọn và sử dụng các hình thức giao tiếp hiệu quả, phù hợp với mục tiêu, nội dung, hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp; có kỹ năng trình bày các văn bản phổ thông và khoa học (kỹ thuật giao tiếp cơ bản, thuyết trình, giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp bằng email, mạng xã hội...) | 3.2 | 4 |
|  | Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. | 2.4 | 3 |
| Nhóm kỹ năng nghề nghiệp |  | Có thể định vị vị trí, vai trò và đặc điểm của nghề nghiệp trong xã hội và ảnh hưởng của xã hội tới sự phát triển nghề nghiệp | 4.1  4.2 | 3 |
|  | Có khả năng ***hình thành ý tưởng*** giải quyết bài toán trong lĩnh vực kinh tế (xác định mục tiêu, yêu cầu, cấu trúc, xác định mô hình dựa trên mục tiêu và yêu cầu, xây dựng đề án...) | 4.3 | 4 |
|  | Có khả năng thực hiện nhiệm vụ ***lập kế hoạch*** tronglĩnh vực kinh tế (nắm vững quy trình lập kế hoạch và phương pháp tiếp cận, vận dụng tốt kiến thức và kỹ năng đã học trong lập kế hoạch; phối hợp lập kế hoạch đa ngành, đa mục tiêu và lập kế hoạch bền vững....) | 4.4 | 4 |
|  | Có khả năng thực hiện nhiệm vụ ***triển khai*** dự án (Quy trình các bước triển khai và phối hợp các bên để thực hiện quy trình vận hành dự án, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện dự án, kiểm tra - giám sát các bước thực hiện, nghiệm thu và lưu giữ hỗ sơ dự án.....) | 4.5 | 4 |
|  | Có khả năng ***vận hành*** dự án kinh doanh sau triển khai (quy trình vận hành; áp dụng kiến thức đã học trong công tác vận hành, Biên soạn hướng dẫn và tập huấn, các hoạt động dự án, quản lý vận hành và dữ liệu vận hành, xử lý sau vòng đời dự án kinh doanh) | 4.6 | 4 |
| Nhóm thái độ cá nhân và nghề nghiệp |  | Thể hiện thái độ tích cực, kiên trì, chính trực. | 2.4 | 4 |
|  | Có khả năng tư duy phản biện, khả năng quản lý thời gian và khả năng học tập suốt đời. | 2.4 | 4 |
|  | Trung thực trong công việc, trung thành với tổ chức | 2.5 | 4 |
|  | Làm việc có trách nhiệm và có thái độ chuyên nghiệp | 2.5 | 4 |

**6. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên sau khi tốt nghiệp Ngành Kinh tế có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm như sau:

1. Cán bộ hoạch định chính sách, cán bộ quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế;
2. Chuyên viên phân tích kinh tế, chuyên viên phân tích tài chính, chuyên viên tư vấn đầu tư tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội và các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế;
3. Nghiên cứu viên, giảng viên trong ngành kinh tế tại các trường Đại học, các Viện, Học viện.

**7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

Có thể tiếp tục học bằng đại học thứ 2 của các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh,… trong trường hoặc ngoài trường. Có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở trong nước. Đủ kiến thức tương đương để có thể được chấp nhận theo học các chương trình sau đại học ở nước ngoài.